

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Số: /QĐ-VPĐP-OCDL

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận
OCOP ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM**

CHÁNH VĂN PHÒNG

VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 528/QĐ-BNNMT ngày 28/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Điều phối Trung ương Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29/11/2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Sở hữu trí tuệ số 36/2009/QH12 ngày 19/6/2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ ngày 14/6/2019 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 16/6/2022;

Căn cứ Quyết định số 188447/QĐ-SHTT.IP ngày 28/8/2025 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 567201;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý môi xã một sản phẩm và Du lịch nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, thay thế cho Quyết định số 1162/QĐ-VPĐP-OCOP ngày 17/9/2020 của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

Điều 3. Trưởng phòng Hành chính, Tổng hợp; Trưởng Phòng Quản lý mỗi xã một sản phẩm và Du lịch nông thôn, Trưởng các phòng có liên quan thuộc Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương và Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Trịnh Việt Hùng (để b/c);
- Thủ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp (để b/c);
- Chánh Văn phòng (để b/c);
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Cục SHTT, Bộ KH và CN;
- Sở NNMT, VPĐPNTM các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, OCDL.

**KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Phương Đình Anh

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

(Ban hành kèm theo Quyết định /QĐ-VPĐP-OCDL ngày / /2026
của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy chế này nhằm thống nhất công tác quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận OCOP ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM (sau đây gọi tắt là nhãn hiệu chứng nhận); bảo vệ uy tín, nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm được chứng nhận OCOP trên thị trường trong nước và quốc tế.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- Quy chế này quy định việc quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho:
 - Các hoạt động tổ chức thực hiện phát triển sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành.
 - Sản phẩm được cơ quan quản lý nhà nước công nhận OCOP theo Bộ tiêu chí được Thủ tướng Chính phủ ban hành.
- Quy chế này áp dụng đối với chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận, cơ quan/đơn vị tham gia quản lý nhãn hiệu chứng nhận và các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
- Những nội dung liên quan đến quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận không quy định trong Quy chế này được áp dụng theo Luật Sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

- Nhãn hiệu chứng nhận: Là nhãn hiệu được đăng ký bảo hộ cho sản phẩm OCOP của Việt Nam và các hoạt động liên quan theo quy định của pháp luật. Nhãn hiệu chứng nhận là biểu trưng chung về OCOP, đồng thời là nhãn hiệu được sử dụng để chứng nhận các sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Việt Nam.

Nhãn hiệu chứng nhận bao gồm phần hình và phần chữ:

- Phần hình: Biểu trưng bao gồm cụm từ OCOP, trong đó, màu sắc của các chữ lần lượt là: chữ O có màu nâu, chữ C có màu xanh lá cây, chữ O có màu xanh nước biển, chữ P có màu vàng.

- Phần chữ: Dưới biểu trưng OCOP là dòng chữ được viết hoa, kiểu phông chữ Arial, màu đỏ: ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM.

Mẫu nhãn hiệu được cụ thể trong Phụ lục 1.

2. Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận là: Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường – cơ quan có chức năng tham mưu, tổ chức thực hiện phát triển sản phẩm OCOP và đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP theo quy định.

3. Quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận: Là quyền của tổ chức, cá nhân đã được chủ sở hữu ghi nhận đối với việc sử dụng Nhãn hiệu chứng nhận để gắn (*in, dán, đính hoặc các hình thức khác*) trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, giấy tờ giao dịch trong hoạt động sản xuất, kinh doanh; giới thiệu, quảng cáo sản phẩm để bán, lưu thông sản phẩm trên thị trường.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 4. Điều kiện sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương ghi nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho các cơ quan, tổ chức và cá nhân sau mà không cần sự đồng ý bằng văn bản của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương, gồm:

a) Cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động phát triển sản phẩm OCOP theo quy định hiện hành.

b) Tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận với mục đích phi lợi nhuận để tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu, nghiên cứu, đào tạo, nâng cao năng lực về phát triển sản phẩm OCOP.

2. Tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất, chế biến, kinh doanh sản phẩm được ghi nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận mà không cần sự đồng ý bằng văn bản của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

a) Có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

b) Có sản phẩm được công nhận OCOP từ ba (03) sao trở lên theo quy định và còn thời hạn hiệu lực.

c) Đảm bảo các sản phẩm được gắn nhãn hiệu chứng nhận phải đáp ứng các yêu cầu về chỉ tiêu, tiêu chuẩn, chất lượng theo Hồ sơ đăng ký tham gia đánh giá,

phân hạng sản phẩm OCOP đã nộp và được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận.

d) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu, quy định về hoạt động kiểm tra, giám sát của các cơ quan có liên quan từ trung ương đến địa phương (nếu có).

3. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, thì phải được Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương ghi nhận quyền sử dụng bằng văn bản khi có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 5. Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận

Sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận là sản phẩm được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố (sau đây gọi tắt là UBND cấp tỉnh) công nhận đạt ba (03) sao, bốn (04) sao hoặc Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận đạt năm (05) sao theo quy định.

Điều 6. Quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận là tự nguyện, không bắt buộc đối với các tổ chức, cá nhân có sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP Việt Nam.

2. Việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên nhãn hàng hóa, bao bì, phương tiện quảng bá, giới thiệu sản phẩm cho sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP phải thực hiện theo quy định sau:

a) Sản phẩm được công nhận ba (03) sao, bốn (04) sao, năm (05) sao phải gắn số sao dưới nhãn hiệu chứng nhận, được quy định cụ thể về quy cách gắn sao tại Phụ lục 02 kèm theo Quy chế này.

b) Nhãn hiệu chứng nhận phải được đặt ở vị trí trang trọng, dễ nhìn, dễ đọc trên nhãn hàng hóa, bao bì sản phẩm và các tài liệu, phương tiện khác liên quan.

Điều 7. Đăng ký và ghi nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 của Quy chế này, nếu có nhu cầu sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, thì có văn bản đề nghị được ghi nhận quyền sử dụng, gửi về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương để được xem xét, chấp thuận.

2. Yêu cầu về nội dung của văn bản đề nghị được ghi nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng;

b) Mục đích, nội dung sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;

c) Cam kết sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đúng mục đích và tuân thủ các yêu cầu, quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương xem xét, đánh giá điều kiện (nếu cần) và có văn bản ghi nhận cho tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận (nếu đủ điều kiện).

Điều 8. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Mục đích của hoạt động kiểm tra, giám sát:

a) Kiểm tra, giám sát các hoạt động tuân thủ các quy định sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của các tổ chức, cá nhân.

b) Kiểm tra, giám sát các đặc tính của sản phẩm được chứng nhận, đảm bảo tiêu chí, tiêu chuẩn và chất lượng sản phẩm.

c) Kiểm tra, phát hiện những dấu hiệu, hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận trên thị trường.

2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương ủy quyền cho UBND cấp tỉnh thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn:

a) UBND cấp tỉnh giao cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh tổ chức hoạt động kiểm tra, giám sát.

b) Ban hành quy định, kế hoạch cụ thể trong hoạt động kiểm tra, giám sát (nếu cần).

3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương sẽ phối hợp với cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh tổ chức thực hiện hoạt động kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất (nếu cần thiết) việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

Điều 9. Hành vi vi phạm sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Gắn nhãn hiệu chứng nhận trên sản phẩm không đáp ứng được các điều kiện của sản phẩm được chứng nhận.

2. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận cho sản phẩm của các tổ chức, cá nhân không đảm bảo các quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.

3. Tổ chức, cá nhân bị thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, nhưng vẫn tiếp tục sử dụng chứng nhận.

4. Tuyên truyền, phổ biến thông tin sai lệch, không đúng với quy định về sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận đến xã hội, người tiêu dùng.

5. Tự ý chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào, kể cả trường hợp tự cho phép sử dụng giữa các đơn vị thành viên trực thuộc hoặc đơn vị chủ quản.

6. Làm trái các quy định khác của Quy chế này.

7. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận bị thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận nếu vi phạm các quy định về sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của Quy chế này.
2. UBND cấp tỉnh hoặc cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh ban hành văn bản thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với các tổ chức, cá nhân tại địa phương có quyền sử dụng nhãn hiệu được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Quy chế này.
3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương có thẩm quyền ban hành văn bản thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này.
4. Thời hạn tạm đình chỉ tối đa không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày có văn bản đình chỉ. Sau thời gian này, nếu tổ chức, cá nhân không khắc phục những vi phạm, không có báo cáo kết quả khắc phục và tài liệu chứng minh, thì sẽ bị thu hồi quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
5. Các tổ chức, cá nhân bị đình chỉ quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, nếu muốn tiếp tục sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, phải được cơ quan ban hành văn bản đình chỉ quyền sử dụng cho phép sử dụng lại bằng văn bản (sau khi đã khắc phục những hành vi vi phạm).
5. Trong thời hạn bị đình chỉ, tổ chức, cá nhân không được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận dưới bất kỳ hình thức nào.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương

1. Cho phép các tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Quy chế này.
2. Tổ chức kiểm tra, giám sát việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận của tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận.
3. Thu hồi, đình chỉ quyền sử dụng; cho phép các tổ chức, cá nhân sử dụng lại nhãn hiệu chứng nhận;
4. Tuyên truyền, phổ biến và cung cấp đầy đủ thông tin về trách nhiệm, quyền lợi của các tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận;
5. Tiếp nhận và giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo về các hành vi vi phạm Quy chế.
6. Yêu cầu các cơ quan quản lý nhà nước xử lý các hành vi xâm phạm về sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân sử dụng nhãn hiệu chứng nhận

1. Được sử dụng nhãn hiệu chứng nhận kèm nhãn hiệu riêng của tổ chức, cá nhân trên bao bì sản phẩm, phương tiện kinh doanh, quảng cáo và các giấy tờ giao dịch khác cho sản phẩm được công nhận OCOP.

2. Được khai thác, sử dụng và hưởng các lợi ích kinh tế phát sinh từ nhãn hiệu chứng nhận.

3. Được ưu tiên tham gia các hoạt động thương mại, quảng bá, phát triển nhãn hiệu chứng nhận thuộc lĩnh vực phát triển sản phẩm OCOP hoặc các hoạt động của các địa phương (nếu có).

4. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo mẫu quy định. Nghiêm cấm mọi hành vi làm sai lệch nhận thức hoặc gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của nhãn hiệu chứng nhận; mọi hình thức đưa thông tin sai về nhãn hiệu chứng nhận hoặc lạm dụng nhãn hiệu chứng nhận gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng.

5. Tổ chức, cá nhân được ghi nhận quyền sử dụng nhãn hiệu chứng nhận, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các quy định về nghĩa vụ của Quy chế này và các quy định khác có liên quan nhằm duy trì, bảo vệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển giá trị tài sản trí tuệ đối với nhãn hiệu chứng nhận. Mọi thông tin cần thiết liên quan đến nhãn hiệu chứng nhận, phải được cơ quan quản lý nhãn hiệu chứng nhận phổ biến và cung cấp đầy đủ cho các thành viên sử dụng.

6. Có trách nhiệm phát hiện, thông báo hành vi vi phạm Quy chế và xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chứng nhận đến UBND cấp tỉnh, cơ quan tham mưu quản lý OCOP cấp tỉnh hoặc Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Phòng Quản lý mỗi xã một sản phẩm và Du lịch nông thôn có trách nhiệm:

a) Tham mưu tổ chức triển khai thực hiện quản lý, sử dụng nhãn hiệu chứng nhận theo quy định tại Quy chế này.

b) Tham mưu tổ chức các hoạt động tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu về nhãn hiệu chứng nhận, nhằm nâng cao giá trị, hình ảnh OCOP Việt Nam, góp phần thúc đẩy việc sử dụng nhãn hiệu chứng nhận trên thị trường.

2. Các tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu gặp khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương để giải quyết và xem xét, điều chỉnh Quy chế cho phù hợp ./.

Phụ lục 1

NHÂN HIỆU CHỨNG NHẬN

OCOP ONE COMMUNE ONE PRODUCT OF VIETNAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VPĐP-OCĐL ngày / /2026
của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương)

LOGO QUY CHUẨN



KÍCH THƯỚC



LOGO VÀ VÙNG AN TOÀN



LOGO NHỎ NHẤT: 10X30MM



DƯƠNG BẢN IN MÀU ĐEN



ÂM BẢN IN NỀN MÀU



ÂM BẢN IN NỀN ĐEN



FONT CHỮ

Roboto Condensed - Bold

MÀU SẮC



abcdefghijklmnopqrstuvwxyz
ABCDEFGHIJKLMNOPQRSTUVWXYZ
0123456789

Phụ lục 2
MẪU NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN ĐƯỢC SỬ DỤNG KÈM THEO DẤU
HIỆU 3 SAO, 4 SAO VÀ 5 SAO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VPDP-OCDL ngày / /2026
của Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)*

1. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng cho sản phẩm được công nhận đạt OCOP 3 sao:



2. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng cho sản phẩm được công nhận đạt OCOP 4 sao:



3. Nhãn hiệu chứng nhận được sử dụng cho sản phẩm được công nhận đạt OCOP 5 sao:

